

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON 810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẪN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : SILMIKRON 810-10/1

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Amberger Kaolinwerke
Eduard Kick GmbH & Co. KG

Địa chỉ : Georg-Schiffer-Str. 70
Hirschau 92242
Đức

Điện thoại : +499622180

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : 115

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp (nội tại) : +49 (0)2234-101-700

Sẵn có ngoài giờ làm việc? : có

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chất độn
Vật liệu thô dùng cho công nghiệp

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các yếu tố nhãn theo GHS

Không cần có hình ảnh nguy hiểm, từ tín hiệu, (các) tuyên bố về mối nguy và (các) tuyên bố thận trọng

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Tùy thuộc vào việc xử lý và sử dụng (ví dụ: nghiền, sấy khô), có thể hình thành tinh thể silica có thể hô hấp trong không khí. Hít phải silic dioxit tinh thể có thể hô hấp trong thời gian dài và/hoặc dữ dội có thể gây ra bệnh phổi đen (bệnh bụi phổi silic). Các triệu chứng chính của bệnh bụi phổi

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẤN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

silic là ho và khó thở/khó thở. Cần áp dụng các biện pháp bảo vệ và giám sát thích hợp đối với trường hợp tiếp xúc không thường xuyên với silica tinh thể có thể hô hấp. Sản phẩm phải được xử lý cẩn thận để tránh hình thành bụi.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần

| Tên hóa học | Số CAS | Nồng độ (% w/w) |
|-------------------------------|------------|-----------------|
| silica, vitreous | 60676-86-0 | ≥ 97 |
| Thạch anh (SiO ₂) | 14808-60-7 | $\geq 0,5$ -< 1 |

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Được biết là chưa xảy ra.
- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Tia nước dung tích lớn
- Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa từng biết có các sản phẩm gây nổ độc hại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẤN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Tránh tạo ra bụi.

Các cảnh báo về môi trường : Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn.
Quét và dọn sạch bằng xẻng.
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

Các chất cần tránh bảo quản chung : Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.

Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

| Thành phần | Số CAS | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm) | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở |
|-------------------------------|------------|---|---|-------|
| Thạch anh (SiO ₂) | 14808-60-7 | TWA (Bụi hạt hít phải qua mũi và miệng) | 0,025 mg/m ³ (Silica) | ACGIH |

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Quy trình sản xuất này có thể gây ra bụi. Ngoài các quy định cụ thể của OEL, các giới hạn chung mức độ bụi trong không khí tại nơi làm việc phải được xem xét trong bản đánh giá nguy cơ tại nơi làm việc. Các giới hạn liên quan bao gồm: OSHA PEL dành cho Các loại hạt bụi Nếu Không được Quy định Khác ở mức 15mg/m³ - tổng lượng bụi - 5 mg/m³ -

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẪN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

phần không khí hít vào; và ACGIH TWA dành cho Các loại bụi (không tan hoặc tan yếu) Nếu Không có Quy định Khác với mức 3 mg/m3 - những hạt có thể hô hấp được, 10 mg/m3 - các hạt có thể hít phải

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

| | |
|-----------------------|--|
| Bảo vệ hô hấp | : Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng mặt nạ phòng độc loại FFP2 hoặc FFP3 (ví dụ: theo EN 149 và EN 143). Khuyến nghị này đặc biệt áp dụng cho việc xử lý các sản phẩm dạng bột và khi vượt quá giá trị giới hạn phơi nhiễm. |
| Bảo vệ tay | |
| Vật liệu | : Găng tay |
| Ghi chú | : Sử dụng kem bảo vệ giàu chất béo sau khi vệ sinh da. Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể. |
| Bảo vệ mắt | : Kính bảo hộ |
| Bảo vệ da và cơ thể | : Quần áo ống dài Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc. |
| Các biện pháp vệ sinh | : Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung. |

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

| | |
|--------------------------------|---------------------------------|
| Trạng thái | : rắn |
| Màu sắc | : màu trắng, màu xám |
| Mùi đặc trưng | : không mùi |
| Độ pH | : 7 (20 °C) Nồng độ: 400 g/l |
| Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc | : > 1.610 °C |
| Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu | : 2.230 - 2.590 °C |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON 810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | 2024/12/19 | 100000000010 | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |

Điểm cháy : không chớp cháy

Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : Không cháy.

Khối lượng riêng : 2,2 g/cm³

Độ hòa tan

Độ hòa tan trong nước : không đáng kể

Đặc điểm hạt

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

Tính ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

Phản ứng nguy hiểm : Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

Các điều kiện cần tránh : Không áp dụng được

Vật liệu không tương thích : Không áp dụng được

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy : Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON 810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẪN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Thạch anh (SiO₂):

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Tăng nguy cơ ung thư phổi chỉ rõ ràng khi tiếp xúc nghề nghiệp cao với silica kết tinh có thể hít phải. Nguy cơ ung thư phổi gia tăng chỉ giới hạn ở những người mắc bệnh bụi phổi silic.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Thạch anh (SiO₂):

| | | |
|------------------|---|---|
| Đường tiếp xúc | : | Hít phải |
| Các cơ quan đích | : | Phổi |
| Đánh giá | : | Gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. |
| Ghi chú | : | Tiếp xúc kéo dài và/hoặc nhiều với bụi có chứa tinh thể silic có thể hô hấp có thể gây ra bệnh bụi phổi silic. Bệnh này là bệnh xơ hóa phổi dạng nốt do hít phải và lắng đọng bụi khoáng. |

Vì vậy, có nhiều bằng chứng cho thấy nguy cơ ung thư phổi gia tăng chỉ giới hạn ở những người đã mắc bệnh bụi phổi silic. Việc bảo vệ người lao động khỏi bệnh bụi phổi silic cần được đảm bảo bằng cách tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp chính thức và, nếu cần, bằng cách thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro bổ sung (xem Phần 16).

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thông tin khác

Sản phẩm:

| | | |
|---------|---|-----------------|
| Ghi chú | : | chưa có dữ liệu |
| Ghi chú | : | chưa có dữ liệu |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON 810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẤN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

Thạch anh (SiO₂):

Đánh giá độc tố sinh thái học

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR

| | | |
|---------------------------|---|--------------------|
| Số UN/ID | : | Không áp dụng được |
| Tên vận chuyển thích hợp | : | Không áp dụng được |
| Hạng | : | Không áp dụng được |
| Nhóm phụ số | : | Không áp dụng được |
| Nhóm hàng | : | Không áp dụng được |
| Nhãn | : | Không áp dụng được |
| Hướng dẫn đóng gói (hàng) | : | Không áp dụng được |

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẤN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

hóa máy bay)
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : Không áp dụng được

Mã IMDG
Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được
Mã EmS : Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương : Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý
Không áp dụng được

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

TCSI : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

TSCA : Tất cả các chất được liệt kê là hoạt động trong bản kiểm kê TSCA

AIIC : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

DSL : Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều có trong Danh sách DSL do Canada ban hành

ENCS : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

ISHL : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

KECI : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

PICCS : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

IECSC : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

NZIoC : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

EINECS / CH : Công thức trên chứa các chất nằm trong danh sách Kiểm kê của Thụy Sĩ, Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON 810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẪN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

REACH : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

TECI : Đang hoặc tuân thủ với bản kiểm kê

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2024/12/19
gần nhất

Thông tin khác

Tư vấn về đào tạo : Người lao động phải được thông báo về hàm lượng silicon dioxide trong sản phẩm và được đào tạo về cách xử lý sản phẩm đúng cách.

Các thông tin khác : Năm 1997, Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) kết luận rằng việc tiếp xúc nghề nghiệp với silica tinh thể có thể gây ung thư phổi ở người. Tuy nhiên, IARC đủ tiêu chuẩn rằng điều này không áp dụng cho tất cả các dạng phơi nhiễm cũng như cho tất cả các loại silica tinh thể. (Chuyên khảo của IARC về Đánh giá Nguy cơ Ung thư ở Người do Hóa chất, Silica, Bụi Silic và Sợi Hữu cơ, 1997, Tập 68, IARC, Lyon, Pháp.)
Năm 2009, trong Series 100 Chuyên khảo, IARC đã xác nhận việc phân loại silica bốc khói, tinh thể, ở dạng thạch anh và cristobalit (Chuyên khảo IARC, Tập 100C, 2012).

Vào tháng 6 năm 2003, Ủy ban khoa học EU về giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đối với các tác nhân hóa học (SCOEL) đã kết luận rằng tác động quan trọng nhất của việc hít phải bụi silic kết tinh có thể hô hấp ở người là bệnh bụi phổi silic. "Có đủ thông tin để kết luận rằng nguy cơ mắc bệnh ung thư phổi tăng lên ở những người mắc bệnh bụi phổi silic. Những người làm việc trong mỏ đá hoặc trong ngành gốm sứ tiếp xúc với bụi silic nhưng không mắc bệnh bụi phổi silic dường như không có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi điều này làm tăng nguy cơ ung thư phổi, vì vậy có thể giả định rằng tránh bệnh bụi phổi silic cũng làm giảm nguy cơ ung thư..." (SCOEL SUM Doc 1994-cuối cùng, tháng 6 năm 2003).

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2006, một thỏa thuận liên ngành về bảo vệ sức khỏe của người lao động thông qua việc xử lý và sử dụng tốt silica tinh thể và các sản phẩm có chứa nó đã được ký kết. Thỏa thuận tự trị này, được Ủy ban Châu Âu hỗ trợ tài chính, dựa trên hướng dẫn thực hành tốt. Các điều khoản của thỏa thuận có hiệu lực vào ngày 25 tháng 10 năm 2006. Công ước đã được đăng trên Công báo của Liên minh Châu Âu (2006/C 279/02). Văn bản của thỏa thuận, các phụ lục của nó và hướng dẫn thực hành tốt có sẵn tại

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẤN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

<http://www.nepsi.eu> và cung cấp thông tin và hướng dẫn hữu ích về cách xử lý các sản phẩm có chứa silica tinh thể có thể hô hấp. Tài liệu tham khảo có sẵn từ EUROSIL (Hiệp hội các nhà sản xuất thạch anh công nghiệp châu Âu). Công việc liên quan đến việc tiếp xúc với oxit silic tinh thể có thể hô hấp (bụi mịn thạch anh) do quy trình làm việc được mô tả trong Chỉ thị (EU) 2017/2398 ngày 12 tháng 12 năm 2017 sửa đổi Chỉ thị 2004/37/EC về bảo vệ người lao động trước các nguy cơ do chất gây ung thư hoặc chất gây đột biến tại nơi làm việc.

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian

AIIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SILMIKRON810-10/1

| | | | |
|-----------|---------------------|-----------------|-------------------------------------|
| Phiên bản | Ngày tháng sửa đổi, | MÃ SỐ PHIẾU CHỈ | Ngày ban hành cuối cùng: 2024/08/06 |
| 1.1 | bổ sung gần nhất: | DẪN AN TOÀN: | Ngày ban hành đầu tiên: 2024/08/06 |
| | 2024/12/19 | 100000000010 | |

việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.

VN / VI